TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13/12/2024
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân và bà Đào Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 13/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/HNGĐ ngày 28/10/2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Đắc V, sinh năm 1996; HKTT: Xóm 2, thôn Liên Ấp, xã D, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1997; HKTT: Xóm 2, thôn Liên Ấp, xã D, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Chỗ ở hiện nay: Thôn Giới Tế, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Đắc V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị N sau thời gian tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/10/2016 tại UBND xã D, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống tại nhà bố mẹ anh tại thôn Liên Ấp, xã D, huyện Tiên Du. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, tháng 7/2023 chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Giới Tế, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đắc Minh Q và cháu Lê Thị S cùng sinh ngày 01/6/2020. Hiện hai cháu đang ở cùng với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu Minh Q và S. Bởi lẽ hai cháu sinh đôi, anh không muốn phải tách hai cháu ra mỗi cháu một nơi, việc này rất ảnh hưởng tới cuộc sống cũng như tâm sinh lý và sự phát triển toàn diện của hai cháu. Mặt khác, từ tháng 7/2023 chị N bỏ nhà đi thì anh là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu Minh Q và S. Từ khi đi chị N không về thăm cũng như không quan tâm đến tình hình sức khoẻ, cuộc sống của các cháu và không chu cấp bất kỳ một khoản nào để nuôi dưỡng 02 cháu. Hiện nay anh đang làm công nhân của công ty Dainichi Color với mức lương hàng tháng là 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra anh còn làm thêm công việc bán hàng với chị gái anh. Tổng mức thu nhập hàng tháng là 15.000.000 đồng. Bản thân anh còn có 01 sổ tiết kiệm 300.000.000 đồng tại ngân hàng Nông nghiệp. Về chỗ ở anh đang sống cùng bố mẹ ở thôn Liên Ấp, xã D, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho các cháu nên không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh tự nguyện chịu án phí theo quy định pháp luật.

** Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Đỗ Thị N trình bày:*

Chị xác nhận lời trình bày của anh Lê Đắc V về thời điểm, điều kiện kết hôn như anh V trình bày là đúng. Sau ngày kết hôn vợ chồng chị sống ở nhà bố mẹ chồng tại thôn Liên Ấp, xã D, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng đến khoảng tháng 8/2023 thì vợ chồng chị không chung sống với nhau với nhau nữa mà chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Nay anh V làm đơn xin ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và không thể chung sống với nhau được nữa, chị đồng ý ly hôn anh V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đắc Minh Q, sinh ngày 01/6/2020 và cháu Lê Thị S, sinh ngày 01/6/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Lê Thị S. Hiện chị đang quản lý của công ty Sumitomo ở KCN Tiên Sơn với mức lương hàng tháng từ 11.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Về chỗ ở chị đang sống cùng bố mẹ ở thôn Giới Tế, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh nên chị có đủ điều kiện tốt để chăm sóc con. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào các

Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V và chị N.

- Về con chung: Giao cháu Lê Đắc Minh Q, sinh ngày 01/6/2020 và cháu Lê Thị S, sinh ngày 01/6/2020 cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không xem xét giải quyết

- Về án phí: Anh V phải chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Lê Đắc V và chị Đỗ Thị N đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Liên Ấp, xã D, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án: Anh Lê Đắc V và chị Đỗ Thị N kết hôn ngày 27/10/2016 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Khi kết hôn anh chị đủ điều kiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Đắc V và chị Đỗ Thị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, cả anh V và chị N đều xác nhận quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh V và chị N là có thật, vợ chồng anh V chị N sống ly thân hơn 1 năm nay, xét mâu thuẫn giữa anh V, chị N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên toà anh V giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, chị N đồng ý, nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đắc V và chị Đỗ Thị N là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đắc Minh Q, sinh ngày 01/6/2020 và cháu Lê Thị S, sinh ngày 01/6/2020. Khi ly hôn anh V có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 cháu Minh Q và S. Chị N có nguyện vọng xin được nuôi cháu Lê Thị S và đồng ý để anh V nuôi cháu Lê Đắc Minh Q.

HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi cũng cần đảm bảo cho các cháu có được điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập tốt nhất và ổn định nhất, để các cháu được phát triển đầy đủ về tâm, sinh lý. Xét từ khi anh V chị N sống ly thân, cháu Minh Q và cháu S đều sống cùng anh V và do anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Các lời khai tại hồ sơ và tại phiên toà, cả anh V chị N đều xác nhận là đúng. Mặt khác, cháu Minh Q và cháu S là con sinh đôi, có sự gắn bó với nhau từ

nhỏ, hiện các cháu đang sống cùng anh V ổn định, do đó để đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện, đầy đủ, tránh xáo trộn không cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu của anh V là giao cháu Minh Q và cháu S cho anh V tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Lê Đắc V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 262, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đắc V và chị Đỗ Thị N.

Về con chung: Giao cháu Lê Đắc Minh Q, sinh ngày 01/6/2020 và cháu Lê Thị S, sinh ngày 01/6/2020 cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Chị N được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Đắc V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận anh V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 0001609 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du).

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh*
- *VKS huyện Tiên Du;*
- *THA DS huyện Tiên Du;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- UBND xã D ĐKKH70/ 27/10/2016;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Lan Hương

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Xuân **Đào Thị Thu** **Nguyễn Thị Lan Hương**